

Bản án số: **15/2022/DSST**
Ngày 19-4-2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui
và hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

2. Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2022/TLST–DS ngày 10 tháng 01 năm 2022, về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-DS ngày 28/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-DS ngày 08/4/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị D** – sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 3, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

*** Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị M** – sinh năm 1965 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Địa chỉ: tổ 5, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày:**

Trước đây, chị D có tổ chức các dây hui góp vốn làm ăn cho chị em trong ấp, trong đó có bà Nguyễn Thị M tham gia rất nhiều dây hui, cụ thể như sau:

- Ngày 12/9/2020 (25/7/2020 AL), chị D mở dây hụi tháng có 25 phần, mỗi phần góp 3.000.000đ, tiền hoa hồng 1.500.000đ, bà M tham gia 1 phần, hốt lần 1 với số tiền 55.200.000đ, sau đó bà M góp được 12 lần hụi chết với số tiền 36.000.000đ. Từ ngày 12/10/2021, chị D đã góp thay cho bà M 6 lần hụi chết với số tiền là $6 \times 3.000.000\text{đ} = 18.000.000\text{đ}$. Trong Biên nhận nợ ngày 02/10/2021 (26/8/2021 AL), chị D có chốt với bà M là bà M còn nợ chị 12 lần góp là do hai bên thỏa thuận chốt đến khi mãn hụi thì chị D phải góp thay cho bà M 12 lần với số tiền 36.000.000đ. Nay thực tế chị D mới chỉ góp thay cho bà M 6 lần nên chỉ yêu cầu 18.000.000đ.

- Ngày 04/12/2020 (20/10/2020 AL), chị D mở dây hụi tháng có 25 phần, mỗi phần góp 2.000.000đ, tiền hoa hồng 1.000.000đ, bà M tham gia 1 phần, hốt lần 1 với số tiền 33.600.000đ, sau đó bà M góp được 9 lần hụi chết với số tiền là 18.000.000đ. Từ ngày 04/10/2021, chị D đã góp thay cho bà M 6 lần với số tiền là $6 \times 2.000.000\text{đ} = 12.000.000\text{đ}$. Trong Biên nhận nợ ngày 02/10/2021 (26/8/2021 AL), chị D có chốt với bà M là bà M còn nợ chị 15 lần góp là do hai bên thỏa thuận chốt đến khi mãn hụi thì chị D phải góp thay cho bà M 15 lần với số tiền 30.000.000đ. Nay thực tế chị D mới chỉ góp thay cho bà M 6 lần nên chỉ yêu cầu 12.000.000đ.

- Ngày 12/01/2021 (30/11/2020 AL) (trong Biên nhận nợ ngày 02/10/2021 (26/8/2021 AL) là dây hụi 30/7/2020 AL), chị D mở dây hụi 10 ngày, có 40 phần, mỗi phần góp 1.000.000đ, tiền hoa hồng 500.000đ, bà M tham gia 1 phần, hốt lần 1 với số tiền 33.150.000đ, sau đó bà M góp được 14 lần hụi chết với số tiền là 14.000.000đ. Từ ngày 12/6/2021, chị D đã góp thay cho bà M 25 lần với số tiền là $25 \times 1.000.000\text{đ} = 25.000.000\text{đ}$. Hiện nay dây hụi này đã mãn. Trong Biên nhận nợ ngày 02/10/2021 (26/8/2021 AL), chị D có chốt với bà M là bà M còn nợ chị 15.000.000đ tương ứng với 15 lần góp là do hai bên thỏa thuận cộng 10 lần góp còn lại của dây hụi này (10.000.000đ) vào tiền hụi cù (ngày 25/8/2021 AL) thành tổng số tiền 32.500.000đ. Như vậy, đối với dây hụi này chị D chỉ yêu cầu 15.000.000đ.

- Ngày 08/3/2021 (25/01/2021 AL), chị D mở dây hụi 10 ngày, có 35 phần, mỗi phần góp 1.000.000đ, tiền hoa hồng là 500.000đ, bà M tham gia 1 phần, góp lần đầu 900.000đ, hốt lần 2 vào ngày 17/3/2021 (05/02/2021 AL) với số tiền 28.550.000đ, sau đó bà M góp được 18 lần hụi chết với số tiền là 18.000.000đ. Từ ngày 01/10/2021, chị D đã góp thay cho bà M 15 lần với số tiền là $15 \times 1.000.000\text{đ} = 15.000.000\text{đ}$. Hiện nay dây hụi này đã mãn.

- Ngày 20/5/2021 (09/4/2021 AL), chị D mở dây hụi tháng có 26 phần, mỗi

phần góp 3.000.000đ, tiền hoa hồng là 1.500.000đ, bà M tham gia 1 phần, hót lần 1 với số tiền 57.500.000đ, sau đó bà M góp được 4 lần hội chết với số tiền là 12.000.000đ. Từ ngày 20/9/2021, chị D đã góp thay cho bà M 8 lần với số tiền là $8 \times 3.000.000đ = 24.000.000đ$. Trong Biên nhận nợ ngày 02/10/2021 (26/8/2021 AL), chị D có chốt với bà M là bà M còn nợ chị 21 lần góp là do hai bên thỏa thuận chốt đến khi mãn hội thì chị D phải góp thay cho bà M 21 lần với số tiền 63.000.000đ. Nay thực tế chị D mới chỉ góp thay cho bà M 8 lần nên chỉ yêu cầu 24.000.000đ.

- Ngày 13/8/2021 (06/7/2021 AL), chị D mở dây hội ngày có 100 thành viên tham gia, góp trong 100 ngày (100 lần hót hội), mỗi phần góp 50.000đ, tiền hoa hồng 50.000đ, bà M tham gia 10 phần, hót lần 1 cả 10 phần hội với số tiền 39.600.000đ, sau đó bà M góp được 4 lần hội chết với số tiền 2.000.000đ. Từ ngày 04/10/2021, chị D đã góp thay cho bà M 95 lần hội chết với số tiền là $95 \times 50.000đ \times 10 = 47.500.000đ$. Hiện dây hội này đã mãn. Trong Biên nhận nợ ngày 02/10/2021 (26/8/2021 AL), chị D có chốt với bà M là bà M còn nợ chị 25.000.000đ tương ứng với 50 lần góp là do hai bên thỏa thuận cộng 45 lần đóng còn lại của dây hội này (22.500.000đ) vào tiền hội cù (ngày 25/8/2021 AL) thành tổng số tiền 32.500.000đ. Như vậy, đối với dây hội này chị D chỉ yêu cầu 25.000.000đ.

- Ngoài ra, chị D và bà M thống nhất lấy ngày 01/10/2021 (25/8/2021 AL) là ngày chốt hội cù 32.500.000đ. Sở dĩ gọi hội cù là do chị D bỏ tiền ra góp hội chết thay cho bà M nhưng chưa được chốt ở các dây hội trên nên ghi trong Biên nhận nợ ngày 02/10/2021 (26/8/2021 AL) là tiền hội cù ngày 01/10/2021 (25/8/2021 AL), cụ thể gồm: 10.000.000đ tiền 10 lần đóng của dây hội ngày 12/01/2021 (30/11/2020 AL) và 22.500.000đ tiền 45 lần đóng của dây hội ngày 13/8/2021 (06/7/2021 AL), tổng cộng là 32.500.000đ.

- Mặt khác, trước đây do quen biết nên bà M có vay tiền của chị D 3 lần:

+ Ngày 26/6/2021 (17/5/2021 AL), bà M vay của chị số tiền là 5.000.000đ,

+ Ngày 04/7/2021 (25/5/2021 AL), bà M vay của chị số tiền là 5.000.000đ

+ Ngày 13/8/2021 (06/7/2021 AL), bà M vay của chị số tiền là 3.000.000đ.

Tổng cộng là 13.000.000đ, trong các lần vay tiền này thì giữa chị D và bà M không có làm biên nhận.

Ngày 02/10/2021 (26/8/2021 AL), chị D và bà M có chốt nợ với nhau và lập thành biên nhận, có bà M ký tên, trong đó có thể hiện số nợ của từng khoản nợ hội (tính đến khi mãn hội) và nợ vay (13.000.000đ), tổng cộng tất cả số nợ bà M thiếu chị D là 229.500.000đ.

Tại phiên tòa, chị D trình bày: do có 3 dây hụi chưa mãn nên chị D chỉ yêu cầu bà M trả cho chị số tiền hụi thực tế chị đã góp thay cho bà M, cụ thể như sau: $18.000.000đ + 12.000.000đ + 15.000.000đ + 15.000.000đ + 24.000.000đ + 25.000.000đ + 32.500.000đ = 141.500.000đ$ và 13.000.000đ tiền nợ vay. Tổng cộng, chị D yêu cầu bà M trả cho chị số tiền là $141.500.000đ + 13.000.000đ = 154.500.000đ$ và không yêu cầu tính lãi.

Do bị đơn bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa chị Lê Thị D và bà Nguyễn Thị M là tranh chấp “Hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về thủ tục tố tụng:** Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị D được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà M vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa chị D yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M, nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào các điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị M.

- Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của chị Lê Thị D yêu cầu bà Nguyễn Thị M trả cho chị D tổng số tiền nợ hụi và nợ vay là 154.500.000đ,

Xét thấy, việc bà Nguyễn Thị M tham gia các dây hụi do chị Lê Thị D tổ chức và có vay tiền của chị D, sau đó các bên chốt nợ với nhau và bà M trực tiếp ký tên vào Tờ biên nhận nợ ngày 02/10/2021 (26/8/2021 AL) là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định pháp luật nên được công nhận.

[1] Xét dây hụi ngày 12/9/2020 (25/7/2020 AL), chị D mở dây hụi tháng có 25 phần, mỗi phần góp 3.000.000đ, tiền hoa hồng 1.500.000đ, bà M tham gia 1 phần, hốt lần 1 với số tiền 55.200.000đ, sau đó bà M góp được 12 lần hụi chết với

số tiền 36.000.000đ. Từ ngày 12/10/2021, chị D đã góp thay cho bà M 6 lần hội chết với số tiền là $6 \times 3.000.000\text{đ} = 18.000.000\text{đ}$. Trong Biên nhận nợ ngày 02/10/2021 (26/8/2021 AL), chị D có chốt với bà M là bà M còn nợ chị 12 lần góp hội, nay thực tế chị mới chỉ góp thay cho bà M 6 lần nên chỉ yêu cầu 18.000.000đ. Theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường thì thành viên trong họ có nghĩa vụ tiếp tục góp các phần họ để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ trong trường hợp đã lĩnh họ trước thành viên khác và chủ họ có quyền yêu cầu thành viên không góp phần họ của mình phải trả phần họ trong trường hợp chủ họ đã góp thay cho thành viên đó. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu của chị D về việc yêu cầu bà M trả số tiền 18.000.000 đồng mà chị D đã góp thay cho bà M là có cơ sở chấp nhận.

[2] Xét dây hội ngày 04/12/2020 (20/10/2020 AL), chị D mở dây hội tháng có 25 phần, mỗi phần góp 2.000.000đ, tiền hoa hồng 1.000.000đ, bà M tham gia 1 phần, hót lần 1 với số tiền 33.600.000đ, sau đó bà M góp được 9 lần hội chết với số tiền là 18.000.000đ. Từ ngày 04/10/2021, chị D đã góp thay cho bà M 6 lần với số tiền là $6 \times 2.000.000\text{đ} = 12.000.000\text{đ}$. Trong Biên nhận nợ ngày 02/10/2021 (26/8/2021 AL), chị D có chốt với bà M là bà M còn nợ chị 15 lần góp, nay thực tế chị mới chỉ góp thay cho bà M 6 lần nên chỉ yêu cầu 12.000.000đ. Theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường thì thành viên trong họ có nghĩa vụ tiếp tục góp các phần họ để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ trong trường hợp đã lĩnh họ trước thành viên khác và chủ họ có quyền yêu cầu thành viên không góp phần họ của mình phải trả phần họ trong trường hợp chủ họ đã góp thay cho thành viên đó. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu của chị D về việc yêu cầu bà M trả số tiền 12.000.000 đồng mà chị D đã góp thay cho bà M là có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét dây hội ngày 12/01/2021 (30/11/2020 AL) (trong Biên nhận nợ ngày 02/10/2021 (26/8/2021 AL) là dây hội 30/7/2020 AL), chị D mở dây hội 10 ngày, có 40 phần, mỗi phần góp 1.000.000đ, tiền hoa hồng 500.000đ, bà M tham gia 1 phần, hót lần 1 với số tiền 33.150.000đ, sau đó bà M góp được 14 lần hội chết với số tiền là 14.000.000đ. Từ ngày 12/6/2021, chị D đã góp thay cho bà M 25 lần với số tiền là $25 \times 1.000.000\text{đ} = 25.000.000\text{đ}$. Trong Biên nhận nợ ngày 02/10/2021 (26/8/2021 AL), chị D có chốt với bà M là bà M còn nợ chị 15.000.000đ tương ứng với 15 lần góp nên đối với dây hội này chị D chỉ yêu cầu 15.000.000đ. Theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019

của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường thì thành viên trong họ có nghĩa vụ tiếp tục góp các phần họ để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ trong trường hợp đã lĩnh họ trước thành viên khác và chủ họ có quyền yêu cầu thành viên không góp phần họ của mình phải trả phần họ trong trường hợp chủ họ đã góp thay cho thành viên đó. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu của chị D về việc yêu cầu bà M trả số tiền 15.000.000 đồng mà chị D đã góp thay cho bà M là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét dây hội ngày 08/3/2021 (25/01/2021 AL), chị D mở dây hội 10 ngày, có 35 phần, mỗi phần góp 1.000.000đ, tiền hoa hồng là 500.000đ, bà M tham gia 1 phần, góp lần đầu 900.000đ, hốt lần 2 vào ngày 17/3/2021 (05/02/2021 AL) với số tiền 28.550.000đ, sau đó bà M góp được 18 lần hội chết với số tiền là 18.000.000đ. Từ ngày 01/10/2021, chị D đã góp thay cho bà M 15 lần với số tiền là $15 \times 1.000.000đ = 15.000.000đ$. Theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường thì thành viên trong họ có nghĩa vụ tiếp tục góp các phần họ để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ trong trường hợp đã lĩnh họ trước thành viên khác và chủ họ có quyền yêu cầu thành viên không góp phần họ của mình phải trả phần họ trong trường hợp chủ họ đã góp thay cho thành viên đó. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu của chị D về việc yêu cầu bà M trả số tiền 15.000.000 đồng mà chị D đã góp thay cho bà M là có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét dây hội ngày 20/5/2021 (09/4/2021 AL), chị D mở dây hội tháng có 26 phần, mỗi phần góp 3.000.000đ, tiền hoa hồng là 1.500.000đ, bà M tham gia 1 phần, hốt lần 1 với số tiền 57.500.000đ, sau đó bà M góp được 4 lần hội chết với số tiền là 12.000.000đ. Từ ngày 20/9/2021, chị D đã góp thay cho bà M 8 lần với số tiền là $8 \times 3.000.000đ = 24.000.000đ$. Trong Biên nhận nợ ngày 02/10/2021 (26/8/2021 AL), chị D có chốt với bà M là bà M còn nợ chị 21 lần góp, nay thực tế chị mới chỉ góp thay cho bà M 8 lần nên chỉ yêu cầu 24.000.000đ. Theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường thì thành viên trong họ có nghĩa vụ tiếp tục góp các phần họ để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ trong trường hợp đã lĩnh họ trước thành viên khác và chủ họ có quyền yêu cầu thành viên không góp phần họ của mình phải trả phần họ trong trường hợp chủ họ đã góp thay cho thành viên đó. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu của chị D về việc yêu cầu bà M trả số tiền 24.000.000 đồng mà chị D đã góp thay cho bà M là có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét dây hụi ngày 13/8/2021 (06/7/2021 AL), chị D mở dây hụi ngày có 100 thành viên tham gia, góp trong 100 ngày (100 lần hốt hụi), mỗi phần góp 50.000đ, tiền hoa hồng 50.000đ, bà M tham gia 10 phần, hốt lần 1 cả 10 phần hụi với số tiền 39.600.000đ, sau đó bà M góp được 4 lần hụi chết với số tiền 2.000.000đ. Từ ngày 04/10/2021, chị D đã góp thay cho bà M 95 lần hụi chết với số tiền là $95 \times 50.000đ \times 10 = 47.500.000đ$. Trong Biên nhận nợ ngày 02/10/2021 (26/8/2021 AL), chị D có chốt với bà M là bà M còn nợ chị 25.000.000đ tương ứng với 50 lần góp nên đối với dây hụi này chị D chỉ yêu cầu 25.000.000đ. Theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phưởng thì thành viên trong họ có nghĩa vụ tiếp tục góp các phần họ để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ trong trường hợp đã lĩnh họ trước thành viên khác và chủ họ có quyền yêu cầu thành viên không góp phần họ của mình phải trả phần họ trong trường hợp chủ họ đã góp thay cho thành viên đó. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu của chị D về việc yêu cầu bà M trả số tiền 25.000.000 đồng mà chị D đã góp thay cho bà M là có cơ sở chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu của chị D là yêu cầu bà M trả tiền hụi cù 32.500.000đ (ngày chốt hụi cù là ngày 01/10/2021 (25/8/2021 AL) của các dây hụi bà M tham gia mà chị D đã bỏ tiền ra góp thay cho bà M, gồm: 10.000.000đ tiền 10 lần góp của dây hụi ngày 12/01/2021 (30/11/2020 AL) và 22.500.000đ tiền 45 lần góp của dây hụi ngày 13/8/2021 (06/7/2021 AL), được bà M thống nhất ký xác nhận trong Biên nhận nợ ngày 02/10/2021 (26/8/2021 AL),

Xét thấy, chị D cho rằng do hai dây hụi ngày 12/01/2021 (30/11/2020 AL) và ngày 13/8/2021 (06/7/2021 AL) chị và bà M đã chốt số tiền hụi bà M còn thiếu đối với từng dây hụi trong Biên nhận nợ ngày 02/10/2021 (26/8/2021 AL) lần lượt là: 15.000.000đ và 25.000.000đ, nên số tiền còn lại mà chị D đã góp thay cho bà M của hai dây hụi này được hai bên thống nhất chốt trong tiền hụi cù ngày 01/10/2021 (25/8/2021 AL) tổng cộng là 32.500.000đ - điều này phù hợp với việc hai dây hụi trên đã mãn và số tiền hụi chị D đã góp thay cho bà M nhưng chị D không yêu cầu giải quyết ở hai dây hụi trên lần lượt là 10.000.000đ và 22.500.000đ (tổng cộng 32.500.000đ), bằng với số tiền hụi cù trong biên nhận nợ. Theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phưởng thì thành viên trong họ có nghĩa vụ tiếp tục góp các phần họ để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ trong trường hợp đã lĩnh họ trước thành viên khác và chủ họ có quyền yêu cầu thành viên không góp phần họ của mình phải trả phần họ trong

trường hợp chủ hộ đã góp thay cho thành viên đó. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu của chị D về việc yêu cầu bà M trả số tiền 32.500.000 đồng mà chị D đã góp thay cho bà M là có cơ sở chấp nhận.

[8] Xét yêu cầu của chị D về việc yêu cầu bà M trả số tiền vay là 13.000.000đ.

Xét thấy, bà M thống nhất ký xác nhận trong Biên nhận nợ ngày 02/10/2021 (26/8/2021 AL) hiện còn nợ chị D số tiền vay là 13.000.000đ. Theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; do vậy, yêu cầu của chị D là phù hợp với quy định của pháp luật và bà M phải có trách nhiệm trả cho chị D số tiền vay là 13.000.000đ.

[9] Về lãi suất: do chị D không yêu cầu bà M phải trả tiền lãi cho các khoản tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thống nhất: Căn cứ các điều 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Điều 17, Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, hội, biểu, phường, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị D, buộc bà M phải trả cho chị D tổng số tiền là 18.000.000đ + 12.000.000đ + 15.000.000đ + 15.000.000đ + 24.000.000đ + 25.000.000đ + 32.500.000đ + 13.000.000đ = 154.500.000đ (Một trăm năm mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng).

- **Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:** Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 25 và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Yêu cầu của chị Lê Thị D được chấp nhận nên chị D không phải chịu án phí.

Buộc bà Nguyễn Thị M phải nộp án phí là: 154.500.000đ x 5% = 7.725.000đ (Bảy triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 91, Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015,

- Căn cứ Điều 16, Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, hội, biểu, phường;

- Căn cứ Điều 25 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban₈ thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị D về việc tranh chấp hợp đồng góp hội và hợp đồng vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị M.

2. Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho chị Lê Thị D số tiền nợ hội là 141.500.000đ và tiền nợ vay là 13.000.000đ, tổng cộng số tiền là 154.500.000đ (Một trăm năm mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. **Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:** Buộc bà Nguyễn Thị M phải nộp số tiền là $154.500.000đ \times 5\% = 7.725.000đ$ (Bảy triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Lê Thị D số tiền là 5.737.000đ (Năm triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006054, ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**